

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 7/2024**

**\*\*\***

**I. Theo dòng lịch sử**

|  |  |
| --- | --- |
| **02/7/1976** | **Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ nhất quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh** |
| **09/7/1960** | **Ngày Truyền thống ngành Du lịch Việt Nam** |
| **11/7/1950** | **Ngày Truyền thống ngành Hậu cần quân đội** |
| **11/7/1950** | **Ngày Truyền thống ngành Thú y** |
| **11/7/1987****12/7/1946** | **Ngày Dân số thế giới****Ngày Truyền thống lực lượng An ninh nhân dân** |
| **15/7/1950** | **Ngày Truyền thống Lực Lượng Thanh niên xung phong** |
| **20/7/1954** | **Ngày ký Hiệp định Geneve về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương** |
| **20/7/1962** | **Ngày Truyền thống lực lượng Cảnh sát nhân dân** |
| **27/7/1947** | **Ngày Thương binh - liệt sĩ** |
| **28/7/1929** | **Ngày Thành lập Công đoàn Việt Nam** |
| **28/7/1995** | **Ngày Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á - ASEAN** |
| **30/7/2013** | **Ngày Thế giới phòng, chống mua bán người** |
| **30/7/2016** | **Ngày Toàn dân phòng, chống mua bán người** |

# ****II. Một số ngày truyền thống, kỷ niệm trong tháng****

# ****1. Kỷ niệm 48 năm Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ nhất quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh (02/7/1976 – 02/7/2024)****

# *1.1.* *****Kỷ niệm 48 năm Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ nhất quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*****

# Với thắng lợi rực rỡ của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã được triệu tập vào tháng 6 năm 1976. Tại Thủ đô Hà Nội, Hội trường Ba Đình cờ hoa rực rỡ, tưng bừng chào đón những vị đại biểu của nhân dân trong cả nước. 492 đại biểu của 38 tỉnh và thành phố trên khắp mọi miền của đất nước về dự họp đã thật sự trở thành hình ảnh tiêu biểu, linh động của toàn dân Việt Nam, sum họp một nhà.

# Trong buổi sáng ngày 25/6/1976, Quốc hội đã nghe đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đọc Báo cáo chính trị quan trọng “Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam thống nhất xã hội chủ nghĩa”.

# Thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày trước cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, nhiệm vụ của Nhà nước Việt Nam thống nhất và những nguyên tắc cơ bản của chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn mới, phương châm và phương thức công tác của Nhà nước nhằm thực hiện nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; phương hướng và cách tiến hành xây dựng Hiến pháp mới của nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta trong khi chưa có Hiến pháp mới.

# Trong những phiên họp cuối cùng, Quốc hội đã thông qua những nghị quyết và văn kiện hết sức quan trọng của nước Việt Nam Độc lập, Thống nhất và Xã hội chủ nghĩa. Trước hết, Nghị quyết về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, thủ đô, quốc ca với toàn văn như sau:

# - Việt Nam là một nước độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa lấy tên là nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

# - Quốc kỳ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

# - Quốc huy nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”.

# - Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.

# - Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là bài “Tiến quân ca”.

# Với niềm phấn khởi và tin tưởng dạt dào, toàn thể Quốc hội đã hoàn toàn nhất trí thông qua Nghị quyết, hoàn toàn nhất trí đặt tên nước ta là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tiếp đó Quốc hội đã thông qua các Nghị quyết quan trọng khác.

# Ngày 02/7/1976, nước Việt Nam mang tên mới: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày bắt đầu chương mới huy hoàng của lịch sử Việt Nam. Từ Văn Lang, Âu Lạc, Vạn Xuân và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, dân tộc ta đã trải qua những chặng đường lịch sử đầy chông gai nhưng cũng đầy khí phách anh hùng, chiến thắng vẻ vang. Chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm tròn sứ mệnh lịch sử quang vinh.

# Trên suốt chặng đường 30 năm đấu tranh anh dũng của toàn dân tộc, Quốc hội đã hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng là người đại biểu đáng tin cậy của nhân dân, là cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước, là nơi tập trung trí tuệ của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động.

# Quốc hội đã thể hiện tinh thần đại đoàn kết, ý chí thống nhất đất nước và lòng quyết tâm xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu rực rỡ, những trang sử vẻ vang của Quốc hội nước ta gắn liền với từng bước đi của dân tộc.

# Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời với nhiệm vụ đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

# Nhân dân ta, dân tộc ta có đầy đủ mọi khả năng và nghị lực để thực hiện nhiệm vụ vĩ đại đó, giành thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội, như tuyên bố của Quốc hội đã khẳng định.

# *1.2.* *****Thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh (02/7/1976 – 02/7/2024)*****

# Trong điều kiện đất nước thống nhất, sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại là tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước - Quốc hội khoá VI. Quốc hội đã quyết định những vấn đề quan trọng hàng đầu trong thời kỳ phát triển mới của dân tộc; quyết định về đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam thống nhất; quyết định xây dựng Hiến pháp, về cơ cấu lãnh đạo của Nhà nước khi chưa có Hiến pháp mới, bầu các cơ quan đó để điều hành công việc chung của cả nước.

# Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca và tổ chức Nhà nước khi chưa có Hiến pháp mới. Quốc hội quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyết định khoá Quốc hội được bầu trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 25/4/1976 là Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyết định chính thức đặt tên thành phố Sài Gòn - Gia Ðịnh là Thành phố Hồ Chí Minh. Sự ra đời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mở đầu cho bước phát triển mới trong quá trình đi lên của đất nước.

# Quốc hội khoá VI đã có những đóng góp tích cực vào việc xây dựng hệ thống chính quyền mới ở miền Nam, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất bảo vệ chính quyền trong điều kiện hoà bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn quốc. Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá VI đã thông qua Hiến pháp năm 1980.

# *Nguồn: Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp*

# ****2. Kỷ niệm 37 năm Ngày Dân số thế giới (11/7/1987 – 11/7/2024)****

# **Ngày Dân số thế giới (11/7) là sự kiện thường niên nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề dân số toàn cầu.**

# **06h35 ngày 11/07/1987, tại thành phố Zagreb, một cậu bé người Nam Tư ra đời đã đặt dấu mốc nhân loại đạt 5 tỷ người. Đứng trước tình hình dân số tăng nhanh, nhiều quốc gia bày tỏ quan ngại với hiểm họa từ sự bùng nổ dân số.**

# **Dân số quá đông dẫn đến các hệ lụy như thất nghiệp, gia tăng tỉ lệ phạm tội, tạo ra gánh nặng an sinh xã hội, mất cân bằng giới… Ngoài ra điều này còn gây sức ép lớn tới tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Vì vậy, tại Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (11/1989), Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã quyết định lấy ngày sinh của em bé người Nam Tư - 11/7 là ngày Dân số Thế giới.**

# **Hằng năm, vào Ngày Dân số Thế giới, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc lựa chọn một chủ đề cấp thiết mang tính toàn cầu để kêu gọi sự quan tâm chú ý của toàn nhân loại. Trên cơ sở đó, mỗi quốc gia, mỗi người tự liên hệ với dân số của địa phương mình để có suy nghĩ và hành động đúng trong hành vi dân số mà tìm mọi biện pháp tích cực, góp phần giảm sự gia tăng dân số, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dân trí và cải tạo môi trường sinh thái.**

# *****Nguồn: Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá Gia đình tỉnh Thái Nguyên*****

# ****3. Kỷ niệm 74 năm Ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong (15/7/1950 – 15/7/2024)****

# **Ngày 15/7/1950, theo chỉ thị của Bác Hồ, Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam thành lập đơn vị Thanh niên xung phong công tác Trung ương đầu tiên tại núi Hồng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Thành viên lúc bấy giờ có 225 đội viên để phục vụ chiến dịch Biên giới. Đây cũng chính là nguồn gốc Ngày truyền thống Thanh niên xung phong.**

# **Lực lượng này được thành lập với mục đích muốn phát huy sức mạnh của tuổi trẻ, xung phong phục vụ cuộc kháng chiến cứu nước và làm tiền đề để tạo rèn luyện đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước phục vụ công cuộc kiến quốc, xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong tương lai.**

# **Từ khi mới thành lập, lực lượng thanh niên xung phong đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ chiến đấu tại Chiến dịch Biên giới năm 1950, được Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp khen ngợi. Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, hàng trăm nghìn thanh niên xung phong đã dũng cảm, ngoan cường, sáng tạo, lập nhiều chiến công hiển hách.**

# **Thể theo nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đội viên thanh niên xung phong các thế hệ, theo đề nghị của Ủy Ban Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, ngày 30/6/1995, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 382/TTG quy định lấy ngày 15/7 hàng năm làm Ngày truyền thống của lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam.**

# **Kể từ đó đến nay, ngày 15/7 là Ngày truyền thống của lực lượng Thanh niên xung phong.**

# *****Ý nghĩa của ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong*****

# **Lực lượng Thanh niên xung phong đã trải qua rất nhiều lần đổi tên trong lịch sử: Có thể kể đến các tên như:**

# **+ Đội Thanh niên xung phong công tác Trung ương (15/7/1950)**

# **+ Đội Thanh niên xung phong (26/3/1953)**

# **+ Đoàn Thanh niên xung phong Trung ương (12/1963)**

# **+ Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước (21/6/1965)**

# **+ Lực lượng Thanh niên xung phong giải phóng miền Nam (20/4/1964)**

# **+ Ban Thanh niên xung phong – Lao động trẻ (3/1986)**

# **Ngày 15/7 – Ngày truyền thống của lực lượng Thanh niên xung phong mang tới nhiều ý nghĩa tốt đẹp. Đây là dịp để cả nước nhớ về hình ảnh những người thanh niên xung phong kiên cường, bất khuất, dũng cảm hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đến khi thời bình, những phẩm chất đáng quý của lực lượng thanh niên xung phong vẫn tiếp tục phát huy.**

# **Thanh niên xung phong luôn luôn là niềm tự hào của dân tộc. Ngày nay, lực lượng thanh niên xung phong vẫn tiếp tục giữ vững ngọn lửa cách mạng, luôn nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.**

# *****Nguồn: Báo Quân khu 4*****

# 4. Kỷ niệm 70 năm Ngày ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (20/7/1954 – 20/7/2024)

# *4.1. Bối cảnh lịch sử*

# Ngay từ khi thực dân Pháp quay lại xâm lược Đông Dương, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương ngăn chặn chiến tranh, giải quyết các vấn đề bằng biện pháp hòa bình. Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946. Thế nhưng, với bản chất hiếu chiến, thực dân Pháp đã liên tiếp lấn tới, đẩy mạnh chiến tranh, buộc nhân dân Việt Nam phải đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến toàn quốc để bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được. Với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với ý chí quật cường, quân và dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, huy động mọi nguồn lực quyết tâm đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Cuối năm 1953, phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, Trung ương Đảng quyết định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao.

# Ngày 26/11/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến định chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”, “Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”. Việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với Chính phủ Pháp.

# Thế giới đầu những năm 1950, trong xu thế hòa hoãn, các nước lớn bắt đầu thỏa hiệp, muốn giải quyết các xung đột và chiến tranh bằng thương lượng hòa bình. Ngày 25/1/1954, Hội nghị Ngoại trưởng các nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp họp tại Béclin (Đức); ngày 18/2/1954, các bên thỏa thuận sẽ triệu tập Hội nghị quốc tế ở Giơnevơ (Thụy Sĩ) để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương với sự ủng hộ của nhiều nước lớn.

# Tại Pháp, từ tháng 10/1953, Quốc hội Pháp biểu quyết ủng hộ Chính phủ giải quyết chiến tranh bằng thương lượng, đàm phán trực tiếp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhưng trên thế mạnh. Tuy nhiên, sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường Đông Dương, Chính phủ Pháp ngày càng lúng túng, phong trào phản chiến ở Pháp dâng cao. Thủ tướng Pháp Laniel và Ngoại trưởng Bidault phải từ bỏ chủ trương thương lượng trên thế mạnh; nội bộ giới cầm quyền Pháp phân hoá sâu sắc.

# Ngày 26/4/1954, Hội nghị Giơnevơ khai mạc và bàn về một giải pháp chính trị ở Triều Tiên. Đây cũng là thời điểm quân và dân ta chuẩn bị kết thúc thắng lợi đợt hai của Chiến dịch Điện Biên Phủ; quân Pháp ở Tập đoàn cứ điểm lâm vào tình thế nguy khốn. Tuy nhiên cho đến lúc này, các nước phương Tây vẫn chưa chấp nhận sự tham gia Hội nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 01/5/1954, Quân đội nhân dân Việt Nam mở đợt tấn công cuối cùng vào Điện Biên Phủ. Trước thất bại không thể cứu vãn, ngày 02/5/1954, Anh, Pháp, Mỹ thông báo qua Liên Xô chấp nhận sự có mặt chính thức của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị.

# Ngày 7/5/1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Một ngày sau, ngày 8/5/1954, Hội nghị bắt đầu thảo luận về vấn đề Đông Dương.

# *4.2. Diễn biến và những nội dung chính của Hiệp định*

# *a. Diễn biến chính của Hội nghị Giơnevơ*

# Thành phần tham dự Hội nghị gồm 9 bên: Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc gia Việt Nam, Vương Quốc Lào và Vương Quốc Campuchia. Đại diện lực lượng kháng chiến Pathet Lào và Khmer Itsarak tuy đã có mặt ở Giơnevơ nhưng không được các đoàn phương Tây chấp nhận cho tham dự Hội nghị.

# Hội nghị diễn ra qua 3 giai đoạn:

# *\* Giai đoạn 1 (từ 08/5/1954 - 19/6/1954):*

# Ngoài việc trao đổi chương trình nghị sự, các Đoàn trình bày lập trường của mình về giải pháp cho vấn đề Việt Nam và Đông Dương.

# Đoàn Pháp do Ngoại trưởng Bidault làm trưởng đoàn, phát biểu chỉ giải quyết vấn đề quân sự, không đề cập vấn đề chính trị và tách vấn đề Lào, Campuchia ra khỏi vấn đề Việt Nam. Phát biểu này được Mỹ ủng hộ.

# Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn yêu cầu phải có sự tham dự của đại diện Chính phủ kháng chiến Lào và Campuchia. Ngày 10/5/1954, Trưởng đoàn Việt Nam phát biểu, đưa ra lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nội dung chủ yếu là: yêu cầu đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, vấn đề Lào và vấn đề Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

# Trung Quốc, Liên Xô ủng hộ lập trường của Việt Nam. Trưởng đoàn Trung Quốc Chu Ân Lai đưa ra hai điều kiện để lập lại hoà bình ở Đông Dương: (1) Pháp chấm dứt chiến tranh; (2) Mỹ chấm dứt can thiệp vào Đông Dương. Trưởng đoàn Liên Xô – Bộ trưởng Ngoại giao Molotov đề nghị lập Ủy ban giám sát quốc tế gồm các nước trung lập. Tại phiên họp lần thứ 4, Trưởng đoàn Liên Xô đề nghị thảo luận về phương án của Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

# Sau 4 phiên họp rộng, Chủ tịch Hội nghị - Ngoại trưởng Anh Eden yêu cầu họp hẹp. Trưởng đoàn Liên Xô đề nghị vấn đề quân sự, chính trị và vấn đề ba nước sẽ bàn song song. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Liên Xô, Trung Quốc đồng ý. Anh và Pháp tán thành, Mỹ đành phải chấp nhận.

# Ngày 25/5/1954, trong phiên họp hẹp, Trưởng đoàn Việt Nam Phạm Văn Đồng đưa ra 2 nguyên tắc cho vấn đề đình chiến: (1) Ngừng bắn hoàn toàn trên toàn cõi Đông Dương, (2) Điều chỉnh vùng trong mỗi nước, trong từng chiến trường trên cơ sở đất đồi đất để mỗi bên có những vùng hoàn chỉnh tương đối rộng lớn thuận lợi cho quản lý hành chính và hoạt động kinh tế. Đại diện các bộ tư lệnh có liên quan nghiên cứu tại chỗ những biện pháp ngừng bắn để chuyển tới Hội nghị xem xét và thông qua.

# Ngày 27/5/1954, đoàn Pháp đồng ý lấy đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm cơ sở thảo luận, đề nghị đại diện của hai bên gặp nhau ở Giơnevơ để bàn việc chia ranh giới khu vực tập trung quân ở Đông Dương. Cùng ngày, đoàn Trung Quốc đưa ra 6 điểm về vấn đề quân sự như: ngừng bắn hoàn toàn và cùng một lúc ở ba nước Đông Dương; thành lập ủy ban kiểm soát quốc tế gồm các nước trung lập nhưng chưa đề cập tới giải pháp về mặt chính trị.

# Ngày 29/5/1954, sau 4 phiên họp toàn thể và 8 phiên họp cấp trưởng đoàn, Hội nghị Giơnevơ ra quyết định: (1) Ngừng bắn toàn diện và đồng thời; (2) Đại diện hai bên gặp nhau ở Giơnevơ để bàn về bố trí lực lượng theo thỏa thuận đình chiến, bắt đầu bằng việc phân vùng tập kết quân đội ở Việt Nam.

# Nhìn chung, do lập trường giữa các đoàn có một khoảng cách khá lớn, chủ yếu là do lập trường hiếu chiến của các nước Phương Tây tham gia Hội nghị, nên các cuộc đàm phán tiến triển rất chậm.

# Ngày 12/6/1954, nội các Thủ tướng Laniel do phái chủ chiến chi phối bị Quốc hội Pháp đánh đổ. Ngày 19/6/1954, Mendès France lên cầm quyền, hứa với Quốc hội Pháp trong vòng một tháng sẽ giải quyết xong vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đây là sự kiện quan trọng góp phần phá vỡ bế tắc, thúc đẩy đàm phán tiến triển.

# *\* Giai đoạn 2 (từ 20/6/1954 - 10/7/1954)*

# Trong giai đoạn này, hầu hết các Trưởng đoàn về nước báo cáo, chỉ có Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở lại. Các Quyền trưởng đoàn tổ chức các cuộc họp hẹp và họp Tiểu ban quân sự Việt - Pháp bàn vấn đề tập kết, chuyển quân, thả tù binh và việc đi lại giữa hai miền, vấn đề phân định vĩ tuyến tại Việt Nam trở thành nội dung đàm phán chính với các hoạt động gặp gỡ, trao đổi quan điểm của các bên. Nhìn chung, các cuộc họp hẹp ở Giơnevơ trong giai đoạn này không có tiến triển gì đáng kể.

# *\* Giai đoạn 3 (từ ngày 11/7/1954 - 21/7/1954)*

# Trong 10 ngày cuối của Hội nghị đã diễn ra nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi tay đôi, tay ba hoặc nhiều bên giữa các Trưởng đoàn. Các phiên họp chủ yếu đàm phán, thỏa thuận về phân chia vĩ tuyến làm ranh giới tạm thời; thông qua các văn kiện, kể cả các điều khoản thi hành Hiệp định. Cuối cùng là phiên họp toàn thể bế mạc Hội nghị.

# Đàm phán về phân chia vĩ tuyến rất căng thẳng. Pháp khăng khăng vĩ tuyến 18, Việt Nam kiên quyết vĩ tuyến 16. Phải đến phiên họp chiều tối ngày 20/7/1954, các bên mới đi đến thỏa thuận lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến. Thời hạn 2 năm tổng tuyển cử cũng như các hiệp định đình chỉ chiến sự tại Việt Nam, Lào và Campuchia và các vấn đề khác đều là sự giằng co giữa các bên.

# Ngày 21/7/1954, Hội nghị Giơnevơ về hòa bình ở Việt Nam, Lào, Campuchia kết thúc.

# Các văn bản được ký kết tại Hội nghị, gồm:

# + Ba Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia

# + Một bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị.

# + Hai bản tuyên bố riêng của đoàn Mỹ và đoàn Pháp ngày 21/7/1954

# + Các công hàm trao đổi giữa Việt Nam và Pháp.

# *b. Những nội dung chính của Hiệp định Giơnevơ*

# Trải qua 75 ngày đêm đàm phán với 31 phiên họp, trong đó có các phiên họp toàn thể, phiên họp cấp trưởng đoàn cùng nhiều cuộc tiếp xúc song phương và đa phương, Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết với các nội dung:

# (1) Thỏa thuận chung cho ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia:

# + Công nhận và tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, không can thiệp vào công việc nội bộ của mỗi nước.

# + Đình chỉ chiến sự trên toàn cõi Đông Dương.

# + Pháp rút quân khỏi lãnh thổ ba nước. Quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Lào và Campuchia.

# + Không có căn cứ nước ngoài và không liên minh quân sự với nước ngoài.

# + Tổng tuyển cử ở mỗi nước.

# + Không trả thù những người hợp tác với đối phương.

# + Trao trả tù binh và người bị giam giữ.

# + Thành lập ủy ban liên họp, ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế.

# (2) Đối với riêng Việt Nam:

# + Những điều khoản về đình chỉ chiến sự và lập lại hòa bình: ngừng bắn, tập kết, chuyển quân được hai bên thực hiện trong thời hạn 300 ngày; chuyển giao khu vực, trao trả tù binh và thường dân bị giam giữ, đổi vùng, vấn đề mồ mả quân nhân hai bên tham chiến.

# + Những điều khoản về duy trì và củng cố hòa bình ở Việt Nam: Lập giới tuyến quân sự tạm thời ở vĩ tuyến 17 và khu phi quân sự (sông Bến Hải); không coi vĩ tuyển 17 là ranh giới chính trị hay lãnh thổ; cấm tăng viện nhân viên quân sự, bộ đội, vũ khí và dụng cụ chiến tranh khác vào Việt Nam; cấm xây dựng căn cứ quân sự mới; cấm hai miền không được gia nhập liên minh quân sự nào; cấm sử dụng mỗi miền để phục vụ cho bất kỳ chính sách quân sự nào.

# + Những điều khoản chính trị: vấn đề tổng tuyển cử để thống nhất đất nước; Hiệp thương hai miền vào tháng 7/1955, tổng tuyển cử vào tháng 7/1956; tự do chọn vùng sinh sống; trong khi chờ đợi không khủng bố, trả thù hay phân biệt đối xử với những người đã hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh.

# + Những điều khoản quy định việc tổ chức thi hành Hiệp định: ủy ban kiểm soát liên hợp, ủy ban giám sát quốc tế trung lập.

# *4.3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm*

# *a. Ý nghĩa lịch sử*

# Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam cùng với Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 và Hiệp định Paris năm 1973 đã trở thành 3 văn kiện ngoại giao quan trọng nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta.

# Hiệp định Giơnevơ đánh dấu sự kết thúc một chặng đường trong quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ để đi tới độc lập tự do của dân tộc. Việc ký kết dựa trên căn cứ và phần nào phản ánh đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, song “ký Hiệp định Giơnevơ là đúng lúc, kết thúc kháng chiến chống Pháp là phù hợp, phản ánh đúng so sánh lực lượng trên chiến trường và hoàn cảnh quốc tế lúc bấy giờ” .

# Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lý quốc tế quan trọng. Lần đầu tiên các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được các nước lớn công nhận tại một hội nghị đa phương. Pháp và các nước tham gia hội nghị “cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ”, “tuyệt đối không can thiệp vào công việc nội trị” của Việt Nam, Lào và Campuchia. Pháp buộc phải đình chỉ chiến sự và rút hoàn toàn quân đội khỏi lãnh thổ 3 nước Đông Dương. Gần 20 năm sau, Hiệp định Paris năm 1973 đã khẳng định lại những cơ sở pháp lý quan trọng này: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận”.

# Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ đã kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của Nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, giải phóng miền Bắc nước ta, tạo điều kiện xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, vững mạnh cho công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975.

# Hiệp định Giơnevơ đã thể hiện bản lĩnh của nền ngoại giao Cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên tham gia vào một hội nghị đa phương trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các nước lớn tham gia hội nghị đều có mục tiêu và lợi ích riêng nhưng đoàn đàm phán của ta đã phát huy chiến thắng trên chiến trường, phát huy sức mạnh chính nghĩa của dân tộc, kiên định về nguyên tắc nhưng mềm dẻo về sách lược để giành được những kết quả quan trọng trên bàn Hội nghị.

# *b. Bài học kinh nghiệm*

# 70 năm trôi qua, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi nhưng Hội nghị Giơnevơ vẫn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

# Một là, trong tình hình quốc tế hết sức phức tạp, chịu sự chi phối của các nước lớn, cần nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; kiên định về nguyên tắc, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”; biết giành thắng lợi từng bước trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

# Hai là, tăng cường tiềm lực, nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước là nhân tố bên trong có ý nghĩa quyết định, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

# Ba là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và công lý cũng như Nhân dân thế giới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

# Bốn là, phát huy vai trò của công tác đối ngoại, tăng cường đối thoại, sử dụng biện pháp hòa bình để giải quyết các tranh chấp, xung đột trong quan hệ với các nước, bảo đảm phù hợp với luật pháp quốc tế; ra sức giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định vì lợi ích của Nhân dân Việt Nam và Nhân dân thế giới.

# *Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương*

# 5. Kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2024)

# Đối với người Việt, ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 đóng một vai trò và ý nghĩa quan trọng. Hàng năm cứ đến ngày 27/7, cả nước lại hướng về các nghĩa trang liệt sĩ để thành kính dâng hương, tri ân công lao to lớn của những anh hùng đã ngã xuống vì nền độc lập nước nhà. Đây cũng là dịp quan trọng để chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân đến thăm hỏi các gia đình liệt sĩ, những mẹ Việt Nam anh hùng. Ngày Thương binh - liệt sĩ 27/7 là ngày mang ý nghĩa thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, ăn quả nhớ kẻ trồng cây" của người Việt.

# *a. Lịch sử, nguồn gốc ngày 27/7*

# Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Khi chính quyền cách mạng đang còn non trẻ thì thực dân Pháp âm mưu trở lại xâm lược nước ta. Kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn độc lập tự do, quân và dân ta ở những nơi thực dân Pháp gây hấn đã chiến đấu anh dũng, chặn lại bàn tay đẫm máu của thực dân xâm lược. Trong cuộc chiến đấu này, nhiều chiến sĩ đồng bào ta đã bị thương, có người đã vĩnh viễn nằm lại chiến trường. Nhiều gia đình cùng một lúc phải mất đi cả chồng và các con ngoài mặt trận. Nhiều người vợ trẻ chỉ được hưởng hạnh phúc vợ chồng chưa trọn một ngày, rồi góa bụa cả đời. Khỏi phải nói những thiệt thòi mất mát, nỗi buồn tủi của những người còn sống khi người thân mất đi. Nhưng cũng chính bằng lòng tiếc thương vô hạn ấy, người sống tự nói với lòng mình rằng: “ Hãy sống sao cho xứng với người đã khuất”. Và rồi đã như thành truyền thống, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã dành tình thương yêu của mình chăm sóc các gia đình liệt sĩ, anh chị em thương binh - bệnh binh một cách tận tình chu đáo.

# Trong những tháng năm đầu của cuộc kháng chiến, nhiều đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống, hy sinh một phần xương máu trên các chiến trường. Nỗi đau chiến tranh bao trùm lên toàn dân tộc, nhiều người vợ trẻ mất chồng, nhiều đứa con mất bố, nhiều gia đình tan vỡ. Để phần nào xoa dịu nỗi đau mất mát của gia đình các chiến sĩ, đồng bào, Chính quyền Việt Nam đã xúc tiến vận động thành lập một tổ chức, lấy tên gọi là Hội giúp binh sĩ tử nạn.

# Đầu năm 1946, Hội giúp binh sĩ tử nạn (sau đó đổi tên Hội giúp binh sĩ bị thương) được thành lập ở Thuận Hoá (Bình Trị Thiên) ở Hà Nội và một số nơi khác.

# Ngày 19/12/1946, Hà Nội chính thức phát động chiến tranh với Pháp, chiến tranh lan rộng ra nhiều vùng. Số người bị thương và chết tăng lên nhanh chóng do sự chênh lệch về trang bị vũ khí cũng như những chiến thuật chiến đấu. Đời sống của binh lính lúc đó, nhất là những binh sĩ bị thương gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn do tình cảnh khó khăn của Chính phủ Việt Nam bấy giờ. Trước yêu cầu đó, cùng với việc kêu gọi giúp đỡ thương binh gia đình tử sĩ, vào năm 1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL ngày 16/8/1947 Quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh liệt sĩ đối với cuộc chiến tranh của Việt Nam.

# Để chỉ đạo công tác thương binh tử sĩ trong cả nước, ngày 26/2/1947, Phòng thương binh thuộc Chính trị Cục, quân đội quốc gia Việt Nam được thành lập. Đầu tháng 7/1947 Ban Vận động tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc cũng được thành lập. Cùng thời gian này, tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, các đại biểu Tổng bộ Việt Minh, Trung ương Hội Phụ nữ cứu quốc, Trung ương Đoàn Thanh niên cứu quốc, cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam, Nha Thông tin tuyên truyền và một số địa phương đã dự một cuộc họp do cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam tổ chức.

# Nội dung cuộc họp là thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn ngày kỷ niệm Thương binh Liệt sĩ và bảo vệ công tác thương binh liệt sĩ. Tại cuộc họp này, theo đề nghị của đại diện Chính trị Cục quân đội Quốc gia Việt Nam, sau khi cân nhắc nhiều mặt, hội nghị nhất trí đề nghị Trung ương lấy ngày 27/7/1947 làm ngày thương binh liệt sĩ.

# Từ tháng 7/1955, Ngày thương binh được đổi thành Ngày thương binh liệt sĩ để ghi nhận những hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, theo chỉ thị 223/CT-TW ngày 8/7/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng từ năm 1975, ngày 27/7 hàng năm chính thức trở thành "Ngày thương binh liệt sĩ" của cả nước.

# Đây là ngày toàn dân cùng thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Các đại biểu đã nhất trí chọn ngày 27/7 hàng năm là ngày Thương binh toàn quốc, là dịp để người dân tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái và tỏ lòng yêu mến thương binh.

# *b. Ý nghĩa ngày 27/7*

# Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 có ý nghĩa quan trọng với toàn dân Việt Nam. Ngày 27/7 là ngày thể hiện truyền thống “hiếu nghĩa bác ái”, lòng quý trọng và biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với những chiến sĩ đã hy sinh vì nền độc lập, tự do và thống nhất của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Ngày 27/7 là ngày phát huy tinh thần yêu nước, củng cố và bồi đắp niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

# Vào ngày 27/7, nhiều hoạt động tri ân và tôn vinh các anh hùng liệt sĩ diễn ra trên khắp cả nước. Những hành động mang ý nghĩa tôn vinh người có công với cách mạng, khẳng định sự cống hiến, hy sinh của các chiến sĩ là vô giá. Việc chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công là sự vinh dự, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và cả mai sau.

# Đảng, Nhà nước cùng nhân dân ta trân trọng những cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sĩ đối với Tổ quốc. Bên cạnh đó cũng luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của những thế hệ cách mạng đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng.

# Ngày nay, Đảng và Nhà nước thông qua việc đề ra và thực hiện đầy đủ chính sách xã hội đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng tiếp tục đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực sự đã trở thành động lực vật chất, tinh thần giúp họ vươn lên, vượt qua khó khăn thử thách, làm chủ cuộc sống. Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của các thế hệ đối với liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng. Sự cống hiến, hy sinh của họ cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân là vô giá, không chỉ cho ngày hôm qua, hôm nay mà cho muôn đời con, cháu mai sau. Việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công là nghĩa vụ, trách nhiệm và niềm vinh dự của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Làm tốt công tác đối với thương binh, liệt sĩ và Người có công với cách mạng thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, củng cố niềm tin của nhân dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cơ sở cho giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

# *Nguồn: Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kon Tum.*

# 6. Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 – 28/7/2024)

# *6.1. Khái quát sự ra đời của giai cấp công nhân và Công hội đỏ - Tiền thân của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*

# *a. Sự ra đời của của giai cấp công nhân Việt Nam*

# Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp những năm cuối thế kỷ XIX. Trước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, xã hội Việt Nam vẫn là một xã hội phong kiến với hai giai cấp cơ bản là giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp nông dân; duy trì nền kinh tế lạc hậu dựa vào sản xuất tiểu nông là chính, cơ sở kinh tế công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. Sau khi cuộc xâm lăng và bình định đã cơ bản hoàn thành, thực dân Pháp liền bắt tay tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất với quy mô mở rộng ra cả nước. Các nhà máy rượu bia, vải sợi, điện nước, ngành đường sắt, hầm mỏ, đồn điền cao su, cà phê... lần lượt ra đời và cùng với đó đội ngũ những người công nhân Việt Nam đầu tiên được hình thành. Họ là những người nông dân bị tước đoạt hết ruộng đất, những người thợ thủ công bị phá sản buộc phải vào làm việc trong các doanh nghiệp tư bản Pháp. Theo số liệu thống kê trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tổng số công nhân của Việt Nam khoảng trên 10 vạn người, chủ yếu tập trung ở một số thành phố lớn như: Hà Nội, Sài Gòn - Chợ Lớn, Hải Phòng và vùng mỏ Quảng Ninh...

# Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, để bù đắp những tổn thất, thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai với quy mô và tốc độ lớn hơn trước. Chúng tăng cường đầu tư vào các ngành khai khoáng, giao thông vận tải, đồn điền, công nghiệp chế biến, dệt may... nhằm tăng cường vơ vét và bóc lột ở các nước thuộc địa. Thời kỳ này, số lượng công nhân Việt Nam đã phát triển nhanh chóng lên đến trên 22 vạn người vào đầu năm 1929.

# Dưới sự áp bức bóc lột hà khắc của thực dân, phong kiến, giai cấp công nhân Việt Nam đã đoàn kết, tổ chức tập hợp nhau lại đấu tranh đòi quyền lợi, dẫn đến hình thành các Hội Ái hữu, Hội Tương tế trong các nhà máy, xí nghiệp. Cuối năm 1920, người công nhân yêu nước Tôn Đức Thắng đã vận động thành lập Công hội Ba Son ở Sài Gòn, mở đầu cho phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

# *b. Sự ra đời của Công hội đỏ Bắc Kỳ - tiền thân của Công đoàn Việt Nam ngày nay*

# Quá trình hình thành và phát triển của Công hội đỏ Bắc Kỳ gắn liền với quá trình hoạt động cách mạng của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong những năm đầu của thế kỷ XX. Người đã tham gia Công đoàn hải ngoại Anh khi hoạt động tại Luân Đôn trong những năm 1914 - 1917; gia nhập Công đoàn Kim khí quận 17 Pari vào năm 1919. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là người đặt cơ sở lý luận và nền tảng tư tưởng cho việc thành lập tổ chức Công đoàn Việt Nam. Trong tác phẩm "Đường Kách mệnh", Người chỉ dẫn: "Tổ chức Công hội trước hết là để công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới". Tháng 6/1925, Người sáng lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu - Trung Quốc và trực tiếp giảng dạy nhằm nâng cao lý luận chính trị cho học viên.

# Những năm 1925 - 1928, dưới sự lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phong trào "Vô sản hóa" đã thâm nhập sâu rộng vào trong các nhà máy, xí nghiệp, hầm lò để tuyên truyền, vận động công nhân tích cực tham gia phong trào đấu tranh. Sự ra đời của Chi bộ Cộng sản đầu tiên (3/1929), đặc biệt là sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929) là kết quả của quá trình vận động, tổ chức công nhân mà Nguyễn Đức Cảnh là một trong những sáng lập viên và giữ vai trò quan trọng. Trên cương vị là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, Nguyễn Đức Cảnh được Trung ương lâm thời phân công phụ trách công tác vận động công nhân.

# Nhận thức được vai trò quan trọng của tổ chức Công hội, của công nhân trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, bóc lột, bảo vệ quyền lợi của công nhân, Nguyễn Đức Cảnh và những người đồng chí đã tích cực tổ chức cuộc vận động phong trào công nhân, trước hết là phong trào công nhân Bắc Kỳ để thành lập tổ chức Công hội. Ngày 28/7/1929, Đại hội đại biểu Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ lần thứ nhất khai mạc do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh chủ trì. Đại hội đã quyết định thành lập Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ, thông qua Điều lệ và hệ thống tổ chức của Công hội, ra báo "Lao động" và tạp chí "Công hội Đỏ", bầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh làm Hội trưởng. Sự kiện thành lập Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ là mốc son chói lọi trong lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam. Kể từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam có một đoàn thể cách mạng rộng lớn, hoạt động có tôn chỉ, mục đích, đứng ra dẫn dắt phong trào.

# *6.2. Phong trào Công nhân và hoạt động Công đoàn qua các thời kỳ của cách mạng Việt Nam*

# *a. Thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)*

# Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Tổng Công hội Đỏ đã tập hợp lực lượng thợ thuyền, đội quân chủ lực của cách mạng Việt Nam, tạo nên cao trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930 - 1931. Cuối năm 1931, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam bị thực dân Pháp đàn áp dã man, hầu hết số cán bộ Đảng và Công hội Đỏ đều bị địch bắt, khiến cho mối liên lạc giữa Đảng và quần chúng, giữa Công hội Đỏ và phong trào công nhân gần như bị gián đoạn. Trong điều kiện đó, bất chấp sự kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp, Công hội Đỏ vẫn tích cực tuyên truyền, vận động công nhân, phát triển tổ chức. Từ năm 1932 - 1936, phong trào cách mạng trong cả nước bắt đầu phục hồi.

# Từ năm 1936 - 1939, tổ chức Công hội Đỏ đổi tên thành Nghiệp đoàn Ái hữu và chuyển sang thời kỳ hoạt động bán công khai. Nhờ sự tổ chức linh hoạt, thích hợp với tình hình, phong trào công nhân giai đoạn này vẫn phát triển mạnh mẽ.

# Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp đầu hàng và thỏa hiệp với phát xít Nhật thẳng tay đàn áp phong trào dân chủ chống chiến tranh của nhân dân ta, thủ tiêu các quyền tự do nghiệp đoàn. Trước tình hình đó, tổ chức Nghiệp đoàn Ái hữu phải rút vào hoạt động bí mật và lấy tên là "Hội Công nhân phản đế", năm 1941 đổi thành "Hội Công nhân cứu quốc" làm nòng cốt cho hoạt động của tổ chức Việt Minh.

# Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức Công đoàn thực sự là trung tâm đoàn kết của công nhân lao động Việt Nam. Với trên 20 vạn người vào thời điểm năm 1945, các đoàn viên Công đoàn trở thành lực lượng nòng cốt làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước Công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

# *b. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*

# Sau Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tháng 3/1946, Hội nghị đại biểu Công nhân cứu quốc Bắc Bộ, Trung Bộ và Tổng Công đoàn Nam Bộ đã quyết định thống nhất về mặt tổ chức trên phạm vi cả nước thành "Hội Công nhân cứu quốc". Tháng 6/1946, tại Hội nghị cán bộ Công đoàn cứu quốc đã đổi tên "Hội Công nhân cứu quốc" thành "Công đoàn". Ngày 20/7/1946, tại Nhà hát lớn Hà Nội, "Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam" đã chính thức được thành lập và được công nhận là thành viên chính thức của Liên hiệp Công đoàn thế giới vào năm 1949.

# Trong những năm đầu đất nước giành độc lập, tổ chức Công đoàn và giai cấp công nhân Việt Nam đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám, tham gia tích cực vào cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, các đội cảm tử Thủ đô, trong đó nòng cốt là công nhân đã chiến đấu với tinh thần quả cảm, anh dũng.

# Thực hiện nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tổ chức vận động công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ) tập trung xây dựng nhà máy, công xưởng, sản xuất vũ khí, khí tài quân sự; khắc phục khó khăn, hăng hái thi đua lao động phục vụ kháng chiến. Tại chiến khu Việt Bắc, từ ngày 01 - 15/01/1950, Đại hội lần thứ I Công đoàn Việt Nam đã đề ra mục tiêu: "Động viên công nhân viên chức cả nước, nhất là công nhân ngành Quân giới sản xuất nhiều vũ khí, khí tài phục vụ kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gồm 21 ủy viên chính thức và 04 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Trần Danh Tuyên được bầu làm Tổng Thư ký.

# Tháng 02/1951, Đại hội lần thứ II của Đảng đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế phục vụ tổng phản công, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, Công đoàn vận động công nhân hăng hái sản xuất và tham gia quản lý, xây dựng xí nghiệp. Đây là bước chuyển biến lớn về nhận thức tư tưởng và phương thức hoạt động Công đoàn. Từ đây trong các xí nghiệp quốc doanh, Công đoàn đại diện cho công nhân tham gia các Ủy ban xí nghiệp, góp phần trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, đưa nền kinh tế kháng chiến phát triển về mọi mặt. Ở vùng tự do, Công đoàn phát động công nhân "Thi đua sản xuất, thi đua xây dựng", "Cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến, trau dồi nghề nghiệp". Phong trào được tổ chức, chỉ đạo tương đối chặt chẽ, thực hiện dân chủ trong quản lý sản xuất.

# Giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tập hợp, đoàn kết, phát huy vai trò tiên phong của giai cấp công nhân vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, đấu tranh kiên cường, góp phần cùng quân và dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, kết thúc vẻ vang 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

# *c. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*

# Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam tạm thời bị chia thành hai miền, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam còn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ.

# Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khóa I) họp vào tháng 8/1954 đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là "Cần phải động viên, tổ chức đông đảo quần chúng lao động trong các đô thị thành một lực lượng mạnh mẽ làm chỗ dựa tốt nhất, chắc chắn nhất cho chính quyền tiến hành công tác tiếp thu, phục hồi sản xuất, giữ gìn an ninh, trật tự thành phố".

# Ở miền Bắc tiến hành công cuộc tái thiết đất nước, khó khăn tiếp tục đặt lên vai người công nhân. Với trách nhiệm chủ nhân của đất nước, đội ngũ công nhân viên chức lao động (CNVCLĐ) đã đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nhờ vậy chỉ trong thời gian ngắn hoạt động sản xuất tại các cơ sở công nghiệp đã phục hồi. Qua thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, những điển hình trong phong trào thi đua yêu nước của giai cấp công nhân được lan tỏa, như "Sóng Duyên Hải", "Hợp tác xã Thành Công", "Ba quyết tâm"… đã xuất hiện nhiều CNVCLĐ tiêu biểu được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, là những tấm gương sáng trong học tập, lao động sản xuất và chiến đấu.

# Ở miền Nam, phong trào công nhân, Công đoàn hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố, đàn áp. Các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp bị đình đốn, đời sống của CNVCLĐ khó khăn. Trước tình hình đó, Đảng đã chỉ đạo các cơ sở trong nội thành, trong các đồn điền phải tìm mọi cách bám đất, bám dân phát triển lực lượng, tổ chức cho công nhân đấu tranh.

# Ngày 05/11/1957, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 108-SL/L10 về ban hành Luật Công đoàn đã tạo cơ sở pháp lý, nâng cao vị trí của tổ chức Công đoàn, củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong tình hình mới. Thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa đã tạo ra những tiền đề quan trọng góp phần xây dựng và đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, thành quả đó có đóng góp quan trọng của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam.

# Trước những yêu cầu mới, Đại hội lần thứ II Công đoàn Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 23 - 27/2/1961 đã quyết định đổi tên "Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam" thành "Tổng Công đoàn Việt Nam". Đại hội đã đề ra mục tiêu: "Động viên cán bộ, công nhân, viên chức thi đua lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc với tinh thần mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt, góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam gồm 55 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Trần Danh Tuyên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Tổng Thư ký.

# Đại hội lần thứ III Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 11 - 14/2/1974 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra mục tiêu "Các cấp Công đoàn phải phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội với năng suất lao động, hiệu quả công tác, phục vụ và tham gia chiến đấu, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam gồm 72 ủy viên, Ban Thư ký gồm 09 ủy viên. Đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được bầu làm Chủ tịch danh dự Tổng Công đoàn Việt Nam. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Đức Thuận được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký. Các đồng chí Nguyễn Công Hòa, Trương Thị Mỹ được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam.

# Tổng Công đoàn Việt Nam tham gia xây dựng một số chế độ, chính sách bổ sung và sửa đổi về lao động, tiền lương, tiền thưởng. Liên hiệp Công đoàn các tỉnh, thành phố đã ký kết Nghị quyết liên tịch với chính quyền đồng cấp về việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ. Nhiều công đoàn cơ sở đã kịp thời động viên CNVCLĐ thi đua lao động, sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao. Việc thực hiện quy tắc an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được thực hiện tốt hơn, cải thiện điều kiện làm việc cho CNVCLĐ.

# Năm 1965, Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam được thành lập và không ngừng được củng cố và phát triển, vừa tổ chức cho CNVCLĐ các thành phố đấu tranh, vừa động viên CNVCLĐ vùng giải phóng đẩy mạnh sản xuất phục vụ chiến đấu. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và Chiến dịch Hồ Chí Minh, Công đoàn giải phóng đã vận động CNVCLĐ ở các đô thị đồng loạt nổi dậy, phối hợp với lực lượng vũ trang tiêu diệt địch, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

# *d. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986)*

# Sau đại thắng mùa Xuân 1975, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đã tạo điều kiện cơ bản để thống nhất tổ chức Công đoàn trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 01/1976 Tổng Công đoàn Việt Nam và Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam bắt tay vào chuẩn bị các điều kiện cho việc thống nhất tổ chức Công đoàn của giai cấp công nhân Việt Nam. Ngày 06/6/1976, Hội nghị Công đoàn toàn quốc được tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh đã quyết định thống nhất Công đoàn hai miền Nam, Bắc thành "Tổng Công đoàn Việt Nam".

# Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ IV, họp từ ngày 08 - 11/5/1978, tại Thủ Hà Nội, đề ra mục tiêu: "Động viên giai cấp công nhân và những người lao động khác thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa trong cả nước". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam gồm 155 ủy viên, Ban Thư ký gồm 12 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký; đồng chí Nguyễn Hộ được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam Tổng Công đoàn Việt Nam.

# Những năm 1981 - 1982, Công đoàn đã tiến hành nhiều đợt tuyên truyền sâu rộng trong công nhân, viên chức về tình hình và nhiệm vụ của đất nước, về chủ trương, chính sách, nhất là các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đi đôi với giáo dục chính trị, Công đoàn đã có nhiều cố gắng trong việc duy trì phong trào học bổ túc văn hoá, kỹ thuật, nghiệp vụ; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao; công tác báo chí, xuất bản của Công đoàn đã có những tiến bộ mới.

# Đại hội lần thứ V Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 16 - 18/11/1983, tại Thủ đô Hà Nội, xác định: Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất trong công nhân, viên chức; phát động phong trào công nhân, viên chức thi đua phục vụ nông nghiệp, đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; lập lại trật tự xã hội trên mặt trận lưu thông phân phối... Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam gồm 155 ủy viên, Ban Thư ký gồm 13 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký. Đại hội đã nhất trí lấy ngày 28/7/1929, ngày thành lập Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ làm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam. Tháng 02/1987, đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam; đồng chí Vũ Định được bầu làm Phó Chủ tịch, đồng chí Dương Xuân An được bầu làm Tổng Thư ký.

# Các phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong CNVCLĐ đã tạo được bước chuyển biến tích cực, nhiều điển hình tiên tiến và nhân tố mới đã hình thành, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác phát triển đoàn viên được Công đoàn chú trọng, số đoàn viên và công đoàn cơ sở ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó, Công đoàn còn tham gia vào lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, đề nghị Nhà nước bổ sung phụ cấp ốm đau, thai sản, tại nạn lao động, trợ cấp khó khăn…các chế độ nghỉ ngơi, tham quan du lịch và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được duy trì, phát triển. Nhân dịp kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/1984), Nhà nước đã tặng Tổng Công đoàn Việt Nam Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam.

# *e. Thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (1986 - nay)*

# Trong bối cảnh đất nước tiến hành đổi mới, từng bước hội nhập, Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 17 - 20/10/1988 tại Thủ đô Hà Nội đã xác định mục tiêu: "Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội". Đại hội quyết định đổi tên "Tổng Công đoàn Việt Nam" thành "Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gồm 155 ủy viên, Ban Thư ký gồm 15 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Văn Tư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Phó Chủ tịch; đồng chí Dương Xuân An được bầu làm Phó Chủ tịch. Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam đã có nhiều đóng góp vào kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), đưa đất nước ta dần thoát khỏi khó khăn, ổn định đời sống nhân dân và CNVCLĐ.

# Đại hội lần thứ VII Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 09 - 12/11/1993 tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đã nhấn mạnh yêu cầu "Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn, góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, chăm lo bảo vệ lợi ích công nhân lao động". Đại hội bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gồm 125 ủy viên, Đoàn Chủ tịch gồm 15 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Văn Tư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu lại làm Chủ tịch; đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Phó Chủ tịch; các đồng chí Hoàng Minh Chúc, Nguyễn An Lương, Hoàng Thị Khánh được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

# Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 03 - 06/11/1998 nhấn mạnh "Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh". Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gồm 145 ủy viên, Đoàn Chủ tịch gồm 17 ủy viên. Đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; các đồng chí Nguyễn An Lương, Đặng Ngọc Chiến, Đỗ Đức Ngọ, Nguyễn Đình Thắng được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

# Đại hội lần thứ IX Công đoàn Việt Nam họp từ ngày 10 - 13/10/2003 tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội xác định "Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh, chăm lo bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ, góp phần tăng cường đại đoàn kết dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Đại hội nhất trí số lượng Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là 155 ủy viên, tại Đại hội bầu 150 ủy viên, bầu Đoàn Chủ tịch gồm 19 ủy viên. Đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; các đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Nguyễn Hoà Bình, Nguyễn Đình Thắng, Đỗ Đức Ngọ, Đặng Ngọc Chiến được bầu làm Phó Chủ tịch. Tháng 12/2006, đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch. Tháng 9/2007 các đồng chí Hoàng Ngọc Thanh, Mai Đức Chính, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Văn Ngàng được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

# Đại hội lần thứ X Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 02 - 05/11/2008, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đã xác định mục tiêu: "Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp; hướng về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy đoàn viên, CNVCLĐ làm đối tượng vận động; chuyển mạnh hoạt động công đoàn vào việc tổ chức thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Đại hội nhất trí số lượng Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là 165 ủy viên, tại Đại hội bầu 160 ủy viên. Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch; các đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Hoàng Ngọc Thanh, Mai Đức Chính, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Văn Ngàng được bầu làm Phó Chủ tịch.

# Nhiệm kỳ lần thứ X của Công đoàn Việt Nam hoạt động trong bối cảnh giai cấp công nhân Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đây cũng là nhiệm kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Nghị quyết thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước về xây dựng giai cấp công nhân, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của hàng triệu CNVCLĐ trong cả nước. Những hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, cùng với sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và Công đoàn, tạo chuyển biến trong nhiệm kỳ hoạt động, đặc biệt là việc thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên và người lao động.

# Đại hội XI Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 27 - 30/7/2013 đã xác định mục tiêu “Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn theo hướng vì đoàn viên và người lao động, vì sự phát triển bền vững của đất nước; tập trung hướng về cơ sở, thực hiện tốt chức năng chăm lo đời sống, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; tham gia có hiệu quả vào công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và tổ chức thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; đẩy mạnh phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, góp phần xây dựng giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đại hội nhất trí số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là 175 ủy viên, tại Đại hội bầu 172 ủy viên, Đoàn Chủ tịch gồm 27 Ủy viên. Đồng chí Đặng Ngọc Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu lại làm Chủ tịch. Các đồng chí: Trần Thanh Hải, Mai Đức Chính, Nguyễn Thị Thu Hồng, Nguyễn Văn Ngàng, Trần Văn Lý được bầu làm Phó Chủ tịch. Ngày 14/4/2016, đồng chí Bùi Văn Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ngày 17/3/2017, đồng chí Trần Văn Thuật được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

# Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 24 - 26/9/2018, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đề ra mục tiêu “Nâng cao hiệu quả đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên và người lao động, vì việc làm bền vững, đời sống ngày càng cao. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước, hiểu biết pháp luật, trách nhiệm cao, tay nghề giỏi, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh. Hoàn thiện mô hình tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn bản lĩnh, trí tuệ, chuyên nghiệp; tập hợp, thu hút đông đảo người lao động vào tổ chức Công đoàn Việt Nam; xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đại hội quyết định số lượng Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là 175 ủy viên, tại Đại hội bầu 161 ủy viên; quyết định số lượng Ủy viên Đoàn Chủ tịch là 27 ủy viên, bầu 22 ủy viên. Đồng chí Bùi Văn Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch. Các đồng chí: Trần Thanh Hải, Trần Văn Thuật, Phan Văn Anh, Ngọ Duy Hiểu được bầu làm Phó Chủ tịch. Ngày 28/7/2019, đồng chí Nguyễn Đình Khang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch. Ngày 12/01/2022, đồng chí Thái Thu Xương được bầu làm Phó Chủ tịch. Ngày 22/3/2023, đồng chí Huỳnh Thanh Xuân được bầu làm Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

# Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam được triển khai trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến nhanh, phức tạp hơn so với dự báo. Những năm đầu của nhiệm kỳ, các cấp công đoàn triển khai thực hiện Nghị quyết trong điều kiện có nhiều thuận lợi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng khá. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát, cùng tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột vũ trang giữa các quốc gia, sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu, pháp luật quy định cho phép thành lập tổ chức của người lao động ngoài Công đoàn Việt Nam, đã ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện đến việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên, người lao động và hoạt động công đoàn. Tuy nhiên, Đảng đoàn và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tham mưu với Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”. Vì phải đổi mới mạnh mẽ hoạt động công đoàn từ nửa nhiệm kỳ XI, Nghị quyết 02-NQ/TW ra đời tạo nên cú hích quan trọng trong việc tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn, giúp Công đoàn Việt Nam vượt mọi khó khăn, đóng góp ngày càng quan trọng cho sự nghiệp phát triển đất nước. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động công đoàn tiếp tục đạt nhiều kết quả, thích ứng với bối cảnh, tình hình mới, làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ, là chỗ dựa tin cậy của người lao động.

# Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam, họp từ ngày 01 – 03/12/2023 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã đề ra mục tiêu: “Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn, xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, tập trung thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trọng tâm là đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tích cực, chủ động tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Hoàn thành mô hình tổ chức, thu hút, tập hợp đông đảo người lao động tham gia công đoàn; xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín và phương pháp công tác tốt. Đổi mới, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, ý thức pháp luật của đoàn viên, người lao động; xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đến cuối nhiệm kỳ, hướng đến kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập, Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, là chỗ dựa tin cậy của người lao động, là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng và Nhà nước ta”.

# Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam là sự kiện chính trị quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân, viên chức, lao động, của tổ chức Công đoàn Việt Nam; khẳng định vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, truyền thống vẻ vang và những đóng góp to lớn của giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn Việt Nam trong các giai đoạn cách mạng của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là dịp để cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ cùng nhân dân cả nước ôn lại, phát huy truyền thống vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam; ra sức thi đua, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

# *Nguồn: Bộ Giao thông vận tải.*

# III. SÁCH VỀ BÁC HỒ

# Cuốn sách: “Suốt đời học Bác”- tác giả Kiều Mai Sơn

# Là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ cộng sản suốt đời cống hiến cho Tổ quốc, nhân dân với những phẩm chất giản dị, cao đẹp, Bác Hồ luôn là tấm gương sáng trong học tập, rèn luyện và để người dân Việt Nam noi theo từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cuốn sách “Suốt đời học Bác” là một cuốn sách điển hình về Bác như thế, về cả một cuộc đời con người luôn đau đáu hướng về dân tộc Việt Nam.

# IMG_256

**IV. NHỮNG MẨU CHUYỆN VỀ BÁC**

**1. Tấm lòng của Bác đối với thương binh, liệt sĩ**

Ngày 10/3/1946 báo Cứu quốc đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ. Trong thư có đoạn Người viết: “Tôi xin kính cẩn cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc đấu tranh cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng”.

Tiếp sau đó, trong Thư gửi đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: “Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh anh dũng”.

Hơn nửa tháng sau khi đi Pháp về, ngày 07/11/1946, Người đã đến dự lễ “Mùa đông binh sĩ” do Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam tổ chức tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, vận động đồng bào ở hậu phương đóng góp tiền của để may áo trấn thủ cho chiến sĩ, thương binh, bệnh binh. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ tham gia quân đội. Một số chiến sĩ đã hy sinh anh dũng, một số nữa là thương binh, bệnh binh, đời sống gặp nhiều khó khăn, mặc dù anh chị em tình nguyện chịu đựng không kêu ca, phàn nàn.

Trước tình hình ấy, tháng 6/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày nào đó trong năm làm “Ngày thương binh” để đồng bào ta có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa, yêu mến thương binh.

Có lẽ – trừ những ngày kỷ niệm quốc tế – “Ngày thương binh” là ngày kỷ niệm trong nước đầu tiên được tổ chức. Hưởng ứng và đáp lại tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hội nghị trù bị đã khai mạc tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên gồm có một số đại biểu ở Trung ương, khu và tỉnh. Hội nghị nhất trí lấy ngày 27/7 hàng năm là ngày thương binh liệt sĩ và tổ chức ngay lần đầu trong năm 1947.

Báo Vệ quốc quân số 11, ra ngày 27/7/1947 đã đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thường trực Ban tổ chức “Ngày thương binh toàn quốc” Đầu thư Người viết: “Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: thương binh là người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí đã chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy.

Cuối thư, Người vận động đồng bào nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ thương binh. Bản thân Người đã xung phong góp chiếc áo lụa, một tháng lương và tiền ăn một bữa của Người và của tất cả các nhân viên của Phủ Chủ tịch, tổng cộng là một ngàn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127 đồng) để tặng thương binh.

Năm sau, ngày 27/7/1948, trong một thư dài đầy tình thương yêu, Bác nói: “Nạn ngoại xâm như trận lụt to đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc, đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con, dân ta. Trong cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào”.

Người xót xa viết: ” Họ quyết liều chết chống địch, để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay, bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở nên bà goá. Con dại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình thêm một linh bài tử sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh”.

**2.** **Bác Hồ với thanh niên xung phong**

Năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến công. Tháng 9/1950, Trung ương Ðảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới, giải phóng Cao – Bắc – Lạng.

Nhiệm vụ đó đòi hỏi phải huy động một lực lượng lớn nhân công mở đường, tải lương, phục vụ bộ đội chiến đấu. Lực lượng này phải là những thanh niên trẻ, khỏe, có tinh thần hăng hái xung phong, chịu đựng hy sinh, có tổ chức chặt chẽ, có tinh thần sẵn sàng và khả năng hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15/7/1950, “Ðội thanh niên xung phong công tác Trung ương” được thành lập gồm 225 đội viên do đồng chí Vương Bích Vượng, Ủy viên BCH Ðoàn thanh niên cứu quốc làm đội trưởng. Từ đó, 60 năm qua, lực lượng Thanh niên xung phong (TNXP) đã phát triển đến 35 vạn người, thường xuyên có mặt ở những nơi chiến tuyến ác liệt, góp phần làm nên những kỳ tích vang vọng muôn đời.

Vinh dự lớn cho TNXP Việt Nam, là lực lượng được Ðảng, Bác Hồ hết sức tin cậy, chăm sóc và dìu dắt từng bước trưởng thành.

Năm 1953, sau ba năm thành lập, với bút danh C.B, Bác đã viết bài “Ðội Thanh niên xung phong” đăng trên Báo Nhân Dân số 147: “Kháng chiến càng tiến tới, công việc ngày càng nhiều, chúng ta cần củng cố và phát triển Ðội TNXP để bảo đảm thêm công việc kháng chiến và đào tạo cán bộ sau này. Nhiệm vụ của Ðội TNXP là xung phong mọi việc bất kỳ việc khó, việc dễ và phục vụ đến ngày kháng chiến thành công. Ðó là nhiệm vụ rất vẻ vang của thanh niên”.

Một trong những bài thơ nổi tiếng nhất của Bác Hồ có tầm triết lý sâu sắc, có tính giáo dục cao đối với sự rèn luyện của mỗi cá nhân, của các thế hệ thanh niên là bài thơ về TNXP.

Ðêm 20/3/1951, một đêm rét đậm. Bác Hồ đến thăm Phân đội 312 của Ðội TNXP công tác Trung ương tại cánh rừng Nà Cù, thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Sau khi ân cần hỏi han chuyện ăn ở, Bác hỏi:

– Ðào núi có khó không?

Người thưa khó, người thưa không khó.

Bác hỏi tiếp:

– Có ai dám đào núi không?

Một nữ đội viên mạnh dạn:

– Thưa Bác, có ạ… TNXP chúng cháu hằng ngày vẫn đào núi để bảo đảm giao thông đấy ạ!

Bác cười vui:

– Ðào núi, nói không khó là không đúng. Khó nhưng con người vẫn dám làm và làm được… Rồi Bác đọc tặng anh chị em TNXP trong buổi nói chuyện hôm đó bốn câu thơ:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Ðào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên!

Ngày 27/1/1969, Bác Hồ đã gửi tặng lẵng hoa và thư khen đơn vị TNXP 333 có nhiều thành tích xuất sắc trên các tuyến đường Khu Bốn ác liệt: “Các cháu xứng đáng là những thanh niên ưu tú của nhân dân Việt Nam anh hùng. Và, giặc Mỹ đã thua to ở hai miền nước ta, chúng đang thất bại ngày càng nặng nề hơn ở miền nam, nhưng chúng vẫn rất ngoan cố chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta.

Vì vậy, Bác nhắc nhở các cháu: Phải nêu cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, cùng quân dân ta quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược; luôn luôn đoàn kết, ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa để ngày càng tiến bộ, đem hết nhiệt tình tài năng của tuổi trẻ cống hiến thật nhiều cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước”.

Ðây là bức thư, lời căn dặn cuối cùng đối với TNXP của Bác trước lúc Người đi xa. Tình yêu thương của Bác mãi mãi khắc sâu trong lòng mọi người Việt Nam yêu nước, đã và mãi mãi là động lực to lớn của các thế hệ thanh niên nói chung, TNXP nói riêng.